|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THPT THẠCH THẤT  ***Nhóm: Văn*** | **MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ, ĐỀ MINH HỌA**  **KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  **Môn: Ngữ văn lớp 12 Năm học 2025 - 2026** |

**A. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I**

**PHẦN I. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN**

**1. VĂN BẢN TIỂU THUYẾT HIỆN ĐẠI**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của tiểu thuyết hiện đại: ngôn ngữ, diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật…

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện: đề tài, câu truyện, không gian, thời gian, nhân vật, lời kể , các chi tiết tiêu biểu…và mối quan hệ giữa chúng trong chỉnh thể tác phẩm.

- Nhận biết được một số đặc điểm của phong cách hiện thực trong tiểu thuyết và trong sáng tác văn học nói chung.

**2. VĂN BẢN THƠ**

- Nhận biết được một số đặc điểm cơ bản của phong cách cổ điển và lãng mạn trong thơ

- Nhận biết, phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ trữ tình hiện đại như từ ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng và siêu thực trong thơ

- Chỉ ra và phân tích được hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản thơ.

- Cảm nhận và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

**3. VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**

- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận. Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và vai trò của chúng trong việc thể hiện nội dung của văn bản nghị luận.

- Xác định được ý nghĩa của văn bản nghị luận, mực độ phù hợp giữa nội dung và nhan đề của văn bản.

- Thấy được mục đích, quan điểm của người viết được thể hiện trong văn bản. Biết tiếp nhận, đánh giá và phê bình nội dung văn bản với tư duy phê phán dựa trên quan điểm trải nghiệm của người đọc.

- Nhận biết và phân tích được việc sử dụng một số thao tác nghị luận trong văn bản nghị luận.

**4. VĂN BẢN TRUYỆN TRUYỀN KÌ**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện truyền kì: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện. Đánh giá vai trò của yếu tố kì ảo trong truyệntruyền kì, liên hệ vai trò của yếu tố kì ảo trong các thể loại truyện khác.

- Biết vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ cá nhân về văn bản văn học.

- Nêu được ý nghĩa của văn bản đối với người đọc.

**5. VĂN BẢN KỊCH**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của văn bản chèo hài kịch như: ngôn ngữ, xung đột, hành động, nhân vật, kết cấu, tình huống, thủ pháp trào phúng…

- Phân tích và đánh giá được khả năng tác động của hài kịch đối với người đọc, người xem và tiến bộ xã hội.

**PHẦN II. TIẾNG VIỆT**

I. Chỉ ra và phân tích được hiệu quả sử dụng của biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ.

II. Nhận biết và vận dụng được kiến thức về một số biện pháp tu từ để phân tích đánh giá về tác dụng của chúng trong bài thơ.

III. Nhận biết và sửa được lỗi về logic và lỗi câu mơ hồ trong đoạn văn, trong văn bản.

IV. Nhận biết và phân tích đánh giá được nghệ thuật sử dụng điển cố trong tác phẩm văn học.

**PHẦN III. VIẾT**

I. Viết văn bản nghị luận so sánh đánh giá hai tác phẩm truyện.

II. Viết văn bản nghị luận so sánh đánh giá hai tác phẩm thơ.

III. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ)

IV. Viết được bài văn nghị luận về tiếp nhận, ảnh hưởng và sáng tạo trong một hoặc một nhóm tác phẩm.

**B. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

*Hình thức: Tự luận*

*Thời gian làm bài: 90 phút*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thành phần năng lực** | **Mạch nội dung** | **Số câu** | **Cấp độ tư duy** | | | | | | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Tổng %** |
| ***Số câu*** | ***Tỉ lệ*** | ***Số câu*** | ***Tỉ lệ*** | ***Số câu*** | ***Tỉ lệ*** |
| 1 | Năng lực đọc | Văn bản đọc hiểu | 5 | 2 | 10% | 2 | 20% | 1 | 10% | 40% |
| 2 | Năng lực viết | Viết bài văn nghị luận văn học / nghị luận xã hội (khoảng 600 chữ) | 1 | 15% | | 15% | | 30% | | 60% |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **25%** | | **35%** | | **40%** | | **100%** |
| **Tổng** | | | **6** | **100%** | | | | | | |

**C. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức / Kĩ năng** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** |
| **1** | **Đọc hiểu** | **Tiểu thuyết** | **Nhận biết:**  **-** Nhận biết được các đặc điểm của tiểu thuyết hiện đại: các thủ pháp nghệ thuật, người kể chuyện ngôi thứ ba, người kể chuyện ngôi thứ nhất, điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật.  - Nhận biết đề tài, bối cảnh, chi tiết tiêu biểu trong tiểu thuyết.  - Nhận biết được nhân vật, cốt truyện, câu chuyện trong truyện.  - Chỉ ra được nghệ thuật xây dựng nhân vật.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện và lí giải được ý nghĩa, tác dụng của cốt truyện.  - Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện.  - Phân tích, đánh giá được đặc điểm của nhân vật và vai trò của nhân vật với việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.  - Phân tích, lí giải được chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.  **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân. | **2** | **2** | **1** |
|  |  | **Thơ trữ tình** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được thể thơ.  - Nhận biết được chủ thể trữ tình trong bài thơ.  - Nhận biết được đặc điểm của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh biểu tượng, vần, nhịp, đối và các biện pháp tu từ trong bài thơ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong bài thơ.  - Phân tích được giá trị biểu đạt, giá trị thẩm mĩ của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp và các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ.  - Nêu được cảm hứng chủ đạo, chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân do bài thơ gợi ra. | **2** | **2** | **1** |
|  |  | **Văn bản nghị luận** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả.  - Nhận biết được các yếu tố bổ trợ trong văn nghị luận.  - Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hóa thể hiện trong văn bản.  **Thông hiểu:**  - Xác định được được nội dung bao quát, tư tưởng chủ đạo của văn bản.  - Xác định và lí giải được mục đích, quan điểm của người viết.  - Phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả. Lí giải được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung văn bản.  - Phân tích được vai trò của các yếu tố bổ trợ trong văn bản nghị luận.  **Vận dụng**:  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.  - Thể hiện được thái độ đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với quan điểm của tác giả. | **2** | **2** | **1** |
|  |  | **Văn bản truyện truyền kì** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đặc điểm của không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật trong truyện truyền kì  - Nhận biết được người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất); điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong truyện truyền kì.  - Nhận biết được các chi tiết kì ảo, đặc trưng của truyện.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Hiểu vàphân tích được nhân vật trong truyện; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của yếu tố, nhân vật kì ảo trong tác phẩm.  - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.  - Lí giải được tác dụng của việc chọn nhân vật người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất); lựa chọn điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong truyện.  - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện  **Vận dụng**:  - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân. | **2** | **2** | **1** |
|  |  | **Văn bản kịch** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đề tài, tình huống, mâu thuẫn và hành động kịc trong hài kịch  - Nhận biết được lời chỉ dẫn sân khấu, lời thoại và hành động của nhân vật hài kịch  - Nhận biết được nhân vật, tuyến nhân vật và cốt truyện trong hài kịch.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được ý nghĩa, tác dụng của yếu tố hài trong hài kịch  - Lí giải được tác dụng của cốt truyện, ngôn ngữ, hành động của nhân vật, diễn biến của câu chuyện trong hài kịch.  - Phân tích được đặc điểm của nhân vật hài kịch và vai trò của nhân vật với việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.  **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do vở kịch gợi ra.  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân và xã hội. | **2** | **2** | **1** |
| **2** | **Viết** | **1. Viết văn bản nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện / thơ.** | **Nhận biết**:  - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả, thể loại,… của 2 tác phẩm.  - Trình bày được những nội dung khái quát của 2 phẩm văn học.  **Thông hiểu**:  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. Phân tích được những đặc sắc về nội dung, hình thức nghệ thuật và chủ đề của tác phẩm.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Nêu được những bài học rút ra từ 2 tác phẩm.  - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong tác phẩm).  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức tác phẩm cũng như ý nghĩa của việc so sánh đánh giá 2 tác phẩm.  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt. | **1\*** | **1\*** | **1** |
|  |  | **2. Viết bài bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ** | **Nhận biết:**  **-** Xác định được đúng yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Sử dụng kết hợp của phương thức miêu tả, biểu cảm, … để tăng sức thuyết phục cho lập luận.  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt. | **1\*** | **1\*** | **1** |
| **Tổng số câu** | | | | **2** | **2** | **2** |
| **Tỉ lệ %** | | | | **25%** | **35%** | **40%** |
| **Tổng** | | | | **100%** | | |

**D. ĐỀ MINH HỌA**

**Đề minh họa số 1**

**I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**

Đọc văn bản:

**ĐẠO SĨ NÚI LAO**

*Trong ấp (huyện) có chàng họ Vương, vào hàng thứ bảy, là con nhà cố gia, tuổi trẻ mộ đạo, nghe nói trên núi Lao Sơn(1) có một vị tiên, liền quẩy tráp tới thăm. Trèo lên hết một ngọn núi, thấy một nhà quán, um tùm cây mát. Một vị đạo sĩ(2) ngồi trên bồ đoàn(3) tóc trắng rủ xuống tận cổ, tinh thần sắc sảo. Sinh khấu đầu làm lễ, bắt chuyện, thấy đạo lí huyền diệu, bèn tôn làm thầy.*

*Đạo sĩ nói:*

*– Chỉ sợ anh sức yếu, không chịu nổi khó nhọc.*

*Thưa là: “được”.*

*Học trò đạo sĩ rất đông, sẩm tối mới kéo nhau về. Vương cùng họ cúi đầu làm lễ chào nhau, rồi quyết định ở lại trong quán.*

*Sáng tinh sương, đạo sĩ đã gọi Vương dậy, đưa cho chiếc rìu, bảo theo lũ học trò đi hải củi. Hơn một tháng, tay chân phỏng mọng, đau không chịu nổi, có bụng muốn về.*

*Một buổi chiều, về đến quán, thấy đạo sĩ đang ngồi uống rượu với hai người khách. Trời đã tối mà chưa thấy thắp đèn, đốt lửa gì cả. Đạo sĩ bèn cắt một miếng giấy tròn như tấm gương, dán lên vách. Phút chốc, ánh trăng vằng vặc từ trên vách chiếu xuống, sáng rõ cả ngọn cỏ, sợi tơ. Bọn học trò chạy quanh hầu hạ.*

*Một người khách nói:*

*– Đêm nay trời đẹp, cùng nhau vui uống, nên cho ai nấy đều vui.*

*Bèn cầm hồ rượu trên bàn, rót cho bọn học trò đứng hầu, dặn mọi người nên uống thật say. Vương nghĩ bụng hồ rượu nhỏ như thể mà chia ra bảy, tám người, làm sao cho đủ. Thấy bọn chúng, đứa cầm chén, đứa vác chậu, tranh nhau uống trước, như sợ mất hết, không tới lượt mình. Vậy mà rót hết chén này đến chén khác, vẫn chẳng thấy rượu vơi đi chút nào, bụng thầm lấy làm lạ.*

*Bỗng một vị khách nói:*

*– Dưới trăng đẹp mà uống suông mãi cũng buồn. Sao chẳng mời chị Hằng xuống chơi?*

*Đạo sĩ bèn lấy một chiếc đũa, vứt vào giữa Mặt Trăng. Bỗng thấy một người đẹp từ trong bóng sáng bước ra: lúc mới đến, chưa đầy một thước, mà vừa đặt chân đến đất thời cao lớn như người thường, lưng thon thả, cổ trắng muốt, áo quần phấp phới, uyển chuyển múa khúc Nghê Thường... [...]*

*Vương thích lắm, đem lòng kính mộ đạo sĩ, bụng muốn về cũng tiêu tan.*

*Lại qua một tháng nữa, khổ không kham, mà đạo sĩ vẫn chưa truyền cho một phép gì. Sốt ruột quá, bèn lên cáo từ, xin về:*

*– Đệ tử qua mấy trăm dặm đường tới xin học thầy; dầu chẳng học được cái đạo trường sinh bất tử, cũng mong thầy dạy cho chút gì gọi là hả chút lòng cầu học. Thế mà qua hai, ba tháng, chỉ những sáng đi kiếm củi, tối lại trở về. Hồi ở nhà, đệ tử chưa bao giờ khổ như thế.*

*Đạo sĩ cười, bảo:*

*– Ta đã nói trước là anh không chịu nổi khó nhọc, nay đã quả nhiên. Sáng mai, sẽ cho người dẫn anh về.*

*Vương lại nài nỉ:*

*– Đệ tử làm lụng đã nhiều, xin thầy dạy cho một thuật mọn, khỏi phụ công lao đệ tử lặn lội tới đây.*

*Đạo sĩ hỏi muốn cầu thuật gì, Vương nói:*

*– Thường thấy thầy đi đâu, tường vách không ngăn nồi, chỉ xin một phép ấy cũng đủ lắm.*

*Đạo sĩ cười, nhận lời. Bèn dạy cho phép bắt quyết(4), bảo miệng đọc mấy câu thần chú, rồi hô: “Vào đi! Vào đi!”. Vương đối mặt với bức tường, nhưng ngần ngừ không dám vào. Đạo sĩ lại hô rằng:*

*– Cứ vào đại thử coi!*

*Vương theo lời, thong thả tiến lại, nhưng đến tường bị vấp. Đạo sĩ bảo cúi đầu, vào thật nhanh, đừng rụt rè. Vương bước xa bức tường mấy bước, đọc câu thần chú, bước nhanh tới, cảm thấy như chỗ trống không. Quay nhìn lại thì đã thấy mình ở bên kia tường. Mừng quá, vào lạy tạ xin về.*

*Đạo sĩ nói:*

*– Về nhà phải giữ gìn đứng đắn; không thế thì phép không nghiệm nữa đâu.*

*Nói rồi, cấp tiền cho Vương ăn đường mà về.*

*Đến nhà, chàng khoe đã gặp tiên, tường vách dày đến đâu cũng không ngăn nổi. Vợ không tin. Vương theo như cách đạo sĩ đã dạy, cách tường mấy bước, cúi đầu chạy ù vào. Đầu đập tường cứng ngã lăn đùng. Vợ nâng dậy, nhìn xem, thấy trán sưng bươu bằng quả trứng. Vợ chế giễu mãi. Vương vừa thẹn vừa tức, chửi mãi lão đạo sĩ bất lương.*

(Bồ Tùng Linh, *Liêu trai chí dị* (Nguyễn Đức Lân dịch),

NXB Văn học, Hà Nội, 2006, tr. 20 – 23)

\* Chú thích:

(1) Núi Lao Sơn: ngọn núi nổi tiếng ở phía đông nam tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc.

(2) Đạo sĩ: người tu tiên.

(3) Bồ đoàn: chiếc chiếu đan bằng cỏ bồ, hình tròn, đê người đi tu hành quỳ hoặc ngồi cho êm, mỗi khi hành lễ.

(4) Bắt quyết: dùng ngón tay đan chéo vào nhau kết thành chữ để làm phép.

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1.** Hãy dẫn ra một chi tiết thể hiện rõ yếu tố “kì” trong văn bản truyện trên.

**Câu 2.** Mục đích và kết quả của việc tu tiên học đạo của Vương Sinh là gì?

**Câu 3.** Vì sao nói truyện có kết thúc bất ngờ? Kết thúc truyện như thế có ý nghĩa thế nào?

**Câu 4.** Đặc điểm chung của các câu in đậm dưới đây là gì? Việc sử dụng những kiểu câu đó có tác dụng gì?

– Đạo sĩ nói:

Chỉ sợ anh sức yếu, không chịu nổi khó nhọc.

Thưa là: “được”.

– Vương bước xa bức tường mấy bước, đọc câu thần chú, bước nhanh tới, cảm thấy như chỗ trống không. Quay nhìn lại thì đã thấy mình ở bên kia tường. Mừng quá, vào lạy tạ xin về.

**Câu 5.** Hãy chỉ ra sự khác biệt giữa yếu tố kì ảo trong văn bản truyện Đạo sĩ núi Lao với yếu tố kì ảo trong một truyện thần thoại mà anh/ chị đã học (đọc).

**II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)**

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh hai đoạn thơ sau:

|  |  |
| --- | --- |
| (1) *... Chỉ một người ở lại với anh thôi*  *Lúc anh vắng người ấy thường thức đợi*  *Khi anh khổ chỉ riêng người ấy tới*  *Anh yên lòng bên lửa ấm yêu thương*  *Người ấy chỉ vui khi anh hết lo buồn*  *Anh lạc bước, em đưa anh trở lại*  *Khi cằn cỗi thấy tháng ngày mệt mỏi*  *Em là sớm mai là tuổi trẻ của anh*  *Khi những điều giả dối vây quanh*  *Bàn tay ấy chở che và gìn giữ*  *Biết ơn em, em từ miền gió cát*  *Về với anh, bông cúc nhỏ hoa vàng*  *Anh thành người có ích cũng nhờ em*  *Anh biết sống vững vàng không sợ hãi*  *…*  *Người đổi thay, năm tháng cũng qua đi*  *Giữa thế giới mong mạnh và biến đổi*  *“Anh yêu em và anh tồn tại”.*  *…*  (Lưu Quang Vũ, ... *Và anh tồn tại*,  *in trong Lưu Quang Vũ – Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2013, tr. 199 – 200) | (2) *Nhưng lúc này anh ở bên em*  *Niềm vui sướng trong ta là có thật*  *Như chiếc áo trên tường như trang sách*  *Như chùm hoa nở cánh trước hiên nhà*  *Em hiểu rằng mỗi lúc đi xa*  *Tình anh đối với em là xứ sở*  *Là bóng rợp trên con đường nắng lửa*  *Trái cây thơm trên miền đất khô cằn*  *Đây tình yêu, em muốn nói cùng anh:*  *Nguồn gốc của muôn ngàn khát vọng*  *Lòng tốt để duy trì sự sống*  *Cho con người thực sự Người hơn*  (Xuân Quỳnh, *Nói cùng anh*,  in trong *Xuân Quỳnh – Không bao giờ*  là cuối, NXB Hội Nhà văn,  Hà Nội, 2013, tr. 77 – 78) |

Chú thích:

\* Lưu Quang Vũ quê tỉnh [Phú Thọ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%BA_Th%E1%BB%8D" \o "Phú Thọ) nhưng quê gốc lại ở quận [Hải Châu](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BA%A3i_Ch%C3%A2u_(qu%E1%BA%ADn)" \o "Hải Châu (quận)), thành phố [Đà Nẵng](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%C3%A0_N%E1%BA%B5ng" \o "Đà Nẵng), là con trai nhà viết kịch [Lưu Quang Thuận](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C6%B0u_Quang_Thu%E1%BA%ADn" \o "Lưu Quang Thuận) . Thiên hướng và năng khiếu nghệ thuật của ông đã sớm bộc lộ từ nhỏ và vùng quê trung du [Bắc Bộ](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%AFc_B%E1%BB%99_Vi%E1%BB%87t_Nam" \o "Bắc Bộ Việt Nam) đó đã in dấu trong các sáng tác của ông sau này. Thơ Lưu Quang Vũ không chỉ bay bổng, tài hoa mà còn giàu cảm xúc, trăn trở, khát khao. Rất nhiều bài thơ của ông được bạn đọc yêu thích như: *Và anh tồn tại*, *Tiếng Việt*, *Vườn trong phố*, *Bầy ong trong đêm sâu*.... Ông còn là tác giả của nhiều truyện ngắn mang đậm phong cách riêng.

\* Xuân Quỳnh (1942 - 1988) tên khai sinh là Nguyễn Thị Xuân Quỳnh. Quê quán: La Khê, thành phố Hà Đông - Hà Tây (nay thuộc Hà Nội). Xuất thân trong một gia đình công chức, mẹ mất sớm, bố thường xuyên công tác xa gia đình, bà được bà nội nuôi dạy từ nhỏ đến khi trưởng thành. Xuân Quỳnh được tuyển vào Đoàn Văn công nhân dân Trung ương và được đào tạo thành diễn viên múa, học Trường bồi dưỡng những người viết văn trẻ. Bà làm việc tại báo Văn nghệ, báo Phụ nữ Việt nam. Xuân Quỳnh là hội viên từ năm 1967, ủy viên Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam khoá III. Thơ bà là tiếng lòng của một tâm hồn phụ nữ nhiều trắc ẩn, vừa hồn nhiên, vừa chân thành, đằm thắm và luôn da diết trong khát vọng về hạnh phúc đời thường. Xuân Quỳnh là một trong số những nhà thơ tiêu biểu nhất của thế hệ các nhà thơ trẻ thời kì chống Mỹ.

**---------- HẾT ----------**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ MINH HOẠ 1**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **4,0** |
|  | **1** | Dẫn ra một chi tiết thể hiện rõ yếu tố “kì” trong văn bản truyện, ví dụ:  – Đạo sĩ bèn cắt một miếng giấy tròn như tấm gương, dán lên vách. Phút chốc, ánh trăng vằng vặc từ trên vách chiếu xuống, sáng rõ cả ngọn cỏ, sợi tơ.  – Đạo sĩ bèn lấy một chiếc đũa, vứt vào giữa Mặt Trăng. Bỗng thấy một người đẹp từ trong bóng sáng bước ra.  Hoặc:  – Đạo sĩ có thuật “đi đâu, tường vách không ngăn nổi”. | 0,5 |
| **2** | – Mục đích tu tiên học đạo của Vương Sinh là học được phép thuật của vị tiên trên núi.  – Kết quả: Học được thuật đi xuyên tường vách nhưng khi về nhà lại không thể thực hiện được, chẳng những cơ thể bị đau đớn mà còn xấu hổ vì bị vợ chê cười. | 0,5 |
| **3** | – Truyện có kết thúc bất ngờ vì phần kết thúc không có hậu dành cho Vương Sinh. Sau nhiều ngày kham khổ tưởng rằng học được một thuật nhỏ để về áp dụng nhưng kết quả lại không được như mong muốn.  – Ý nghĩa của kết truyện: học đạo là để giúp đời, làm những việc có ích nên không thể áp dụng phép thuật một cách tùy tiện hay để chỉ để khoe khoang; muốn đắc đạo, cần bền gan vững chí, sẵn sàng đối diện và vượt qua gian khổ. | 1,0 |
| **4** | – Các câu in đậm đều là câu rút gọn thành phần chủ ngữ. Đây là một trong những biểu hiện của hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường.  – Tác dụng: nhấn mạnh, làm nổi bật nội dung thông tin cần chuyển tải (ở đây là lời nói, hành động của nhân vật Vương Sinh). | 1,0 |
| **5** | HS có thể chọn truyện thần thoại theo hiểu biết cá nhân nhưng cần chỉ ra sự khác nhau sau đây:  – Ở truyện thần thoại, yếu tố kì ảo chủ yếu nhằm giải thích nhận thức, cách lí giải của người cổ đại về các hiện tượng tự nhiên, vũ trụ; thường gắn với thần linh.  – Với truyện truyền kì, yếu tố kì ảo góp phần tạo nên những nhân vật, hành động khác (bất) thường. qua đó, phản ánh những vấn đề của đời sống trần thế, hằng ngày của con người; không chỉ gắn với thế giới thần tiên mà còn thể hiện ở ma, quỷ. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **6,0** |
|  |  | **Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh hai đoạn thơ của Xuân Quỳnh và Lưu Quang Vũ.** |  |
| *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  *Mở bài* nêu được vấn đề*, Thân bài* triển khai được vấn đề*, Kết bài* khái quát được vấn đề. | 0,25 |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  So sánh hai đoạn thơ của Xuân Quỳnh và Lưu Quang Vũ. | 0,5 |
| *c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết*  \* Mở bài: Dẫn dắt, nêu khái quát điểm tương đồng và khác biệt của hai đoạn thơ đó.  \* Thân bài:  - Giới thiệu chung về nhà thơ Lưu Quang Vũ và bài thơ ... Và anh tồn tại, nhà thơ Xuân Quỳnh và bài thơ Nói cùng anh.  - So sánh hai đoạn thơ  + Điểm giống nhau:  . Về nội dung (đề tài – cùng viết về tình yêu đôi lứa, cảm hứng chủ đạo – cùng ca ngợi tình yêu và sự đồng cảm, sẻ chia; tư tưởng – cùng khẳng định sự cần thiết và ý nghĩa của tình yêu đôi lứa đối với mỗi người).  . Về nghệ thuật (sử dụng thể thơ tự do; kết hợp giữa biểu cảm với tự sự; nhân vật trữ tình xuất hiện trực tiếp; sử dụng các hình ảnh liệt kê, so sánh và ẩn dụ; ngôn ngữ hàm súc; giọng điệu vừa tâm tình vừa triết lí;..).  + Điểm khác nhau: Hai đoạn thơ chủ yếu khác nhau về nội dung cụ thể sau:  . Đoạn thơ của Lưu Quang Vũ thể hiện sự nhận thức của nhân vật trữ tình “anh” về “em” và ca ngợi, trân trọng tình yêu của “em” đối với “anh”. Nhờ tình yêu của “em” mà anh trở thành “người có ích”, “sống vững vàng không sợ hãi” và hơn hết là “anh tồn tại”.  . Đoạn thơ của Xuân Quỳnh thể hiện nhận thức của nhân vật trữ tình “em” về “anh” và tình yêu của hai người. Tình yêu mang đến cho “em” những niềm vui sướng hạnh phúc giản dị nhưng là “có thật”; tình yêu làm nảy sinh trong em nói riêng và mọi người nói chung những khát vọng (mong ước cao đẹp) ở con người, là lòng tốt để con người duy trì sự sống và sống nhân văn hơn, đẹp hơn.  - Đánh giá  + Hai đoạn thơ có nhiều điểm tương đồng về đề tài, cảm hứng chủ đạo, tư tưởng và hình thức thể hiện.  + Đây là hai đoạn thơ hay viết về đề tài tình yêu đôi lứa của hai nhà thơ lớn trong nền văn học Việt Nam hiện đại; kết tinh những giá trị nghệ thuật và tư tưởng khi viết về đề tài này.  \* Kết bài: Nêu ấn tượng sâu đậm về hai đoạn thơ hoặc khẳng định hai đoạn thơ có sức hấp dẫn mãnh liệt đối với người đọc, nhất là những người trẻ tuổi và trẻ lòng. | 2,0 |
| *d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:*  - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân  - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận.  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.  ***Lưu ý:*** *Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.* | 2,5 |
| *đ. Diễn đạt*  Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản. | 0,25 |
| *e. Sáng tạo*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,5 |
| **Tổng điểm** | | | **10,0** |

**Đề minh hoạ số 2**

**I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

[...]

*chúng tôi không mệt đâu nhưng cỏ sắc mà ấm quá!*

*tuổi hai mươi thằng em tôi sững sờ*

*một cánh chim mảnh như nét vẽ*

*nhiều đổi thay như một thoáng mây*

*khi chúng tôi nằm nó vẫn ngồi nguyên đó*

*ngậm im lìm một cọng cỏ may*

*những dấu chân lùi lại phía sau*

*dấu chân in trên đời chúng tôi những tháng năm trẻ nhất*

*mười tám hai mươi sắc như cỏ*

*dày như cỏ*

*yêu mến và mãnh liệt như cỏ*

*cơn gió lạ một chiều không rõ rệt*

*hoa chuẩn bị âm thầm trong đất*

*nơi đó nhất định mùa xuân sẽ bùng lên*

*hơn một điều bất chợt*

*chúng tôi đã đi không tiếc đời mình*

*(nhưng tuổi hai mươi làm sao không tiếc)*

*nhưng ai cũng tiếc tuổi hai mươi thì còn chi Tổ quốc?*

*cỏ sắc mà ấm quá, phải không em?*

(Trích *Những người đi tới biển*, Thanh Thảo,

NXB Văn học, Hà Nội, 1987)

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1.** Từ ngữ nào dùng để chỉ chủ thể trữ tình trong đoạn trích trên?

**Câu 2.** Trong đoạn trích trên, tác giả đã dùng những cụm từ nào để ngợi ca sức sống của những con người ở tuổi “*mười tám hai mươi*”?

**Câu 3.** Dựa vào đoạn trích, hãy chỉ ra ý nghĩa của dòng thơ “*nơi đó nhất định mùa xuân sẽ bùng lên*”.

**Câu 4.** Anh/ chị hiểu như thế nào về ý nghĩa của những dấu chân và cuộc hành trình của những người trẻ tuổi trong đoạn trích trên?

**Câu 5.** Nhân vật trữ tình trong đoạn trích khẳng định “*nhưng ai cũng tiếc tuổi hai mươi thì còn chi Tổ quốc*?”. Anh/ chị có đồng tình với quan niệm này không? Vì sao?

**II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)**

Viết một bài văn nghị luận bàn về ý nghĩa của năng lực tự học trong việc hiện thực hoá ước mơ của thế hệ trẻ.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ MINH HOẠ 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **4,0** |
|  | **1** | Từ dùng để chỉ chủ thể trữ tình: “*chúng tôi*”. | 0,5 |
| **2** | Những cụm từ dùng để ngợi ca sức sống của những con người tuổi “*mười tám hai mươi*”: “*sắc như cỏ*”, “*dày như cỏ*”, “*mãnh liệt như cỏ*”. | 0,5 |
| **3** | Dòng thơ “*nơi đó nhất định mùa xuân sẽ bùng lên*” thể hiện niềm tin, niềm lạc quan của tác giả về tương lai, về những thành quả mà những người trẻ tuổi cống hiến cho đất nước. | 1,0 |
| **4** | “*Những dấu chân*” và cuộc hành trình của những người trẻ tuổi trong đoạn trích mang ý nghĩa chỉ những hi sinh, những cống hiến của một lớp người cho Tổ quốc. | 1,0 |
| **5** | Với câu này, thí sinh cần bày tỏ được quan điểm cá nhân của mình theo định hướng:  – Giải thích: dòng thơ “*nhưng ai cũng tiếc tuổi hai mươi thì còn chi Tổ quốc*?”, mượn hình thức lời tâm sự của nhân vật trữ tình “*chúng tôi*” về lí do để “*không tiếc đời mình*” (vì coi trọng bổn phận với Tổ quốc) để thể hiện quan niệm đề cao bổn phận, trách nhiệm của mỗi cá nhân với Tổ quốc.  – Nêu và giải thích quan điểm: đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **6,0** |
|  |  | **Viết một bài văn nghị luận bàn về ý nghĩa của năng lực tự học trong việc hiện thực hoá ước mơ của thế hệ trẻ.** |  |
|  | a. *Xác định được yêu cầu của kiểu bài:* Nghị luận xã hội. | 0,25 |
|  | b. *Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:* Ý nghĩa của việc tự học. | 0,5 |
|  | c. *Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận:*  − Xác định được ý chính của bài viết.  − Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận.  − Dưới đây là một số gợi ý về nội dung:  + Tự học là sự độc lập, chủ động tích cực tìm tòi, lĩnh hội tri thức mà không phải phụ thuộc vào bất cứ yếu tố bên ngoài nào.  + Tự học có ý nghĩa vô cùng to lớn vì kiến thức trong nhà trường không thể bao quát hết những vấn đề nảy sinh trong cuộc sống. Học ở thầy, ở bạn bè là quan trọng nhưng không phải lúc nào thầy và bạn cũng luôn ở cạnh ta. Do đó, muốn chiếm lĩnh tri thức, phải chủ động tự học.  + Tự học tạo nên một thói quen tốt, giúp ta có thể học tập ở bất cứ đâu; có thể tích luỹ được nhiều tri thức phong phú mà cuộc sống đòi hỏi; tự học giúp cho nhận thức của ta không bị lệ thuộc vào yếu tố nào khác ở bên ngoài.  + Trái với tự học là cách học thụ động, đối phó, khiến con người trở nên nghèo nàn về tri thức. Cách học ấy khó đưa con người đến thành công.  + Tự học đem đến cho con người nhiều lợi thế, tuy nhiên không phải khi nào tự học cũng là biện pháp học tập tối ưu. Có những kiến thức nếu không được đào tạo cơ bản qua trường lớp sẽ dễ trở nên chắp vá, thiếu tính chuyên môn, khoa học.  + Để chiếm lĩnh tri thức, cách tốt nhất là kết hợp giữa học thầy, học bạn, học ở trường và tự học. | 2,0 |
|  | d. *Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:*  − Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm, đánh giá của cá nhân.  − Lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận.  − Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. | 2,5 |
|  | đ. *Diễn đạt:*  Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản. | 0,25 |
|  | e. *Sáng tạo:*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,5 |
| **Tổng điểm** | | | **10,0** |